

Số: 568/KH-UBND

An Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH
Cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo
cấp địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

Phần I
KẾT QUẢ XẾP HẠNG NĂM 2024

Ngày 30/12/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của 63 tỉnh thành. Bảng xếp hạng được công bố thể hiện hiện trạng mô hình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH-CN-ĐMST) của 63 tỉnh, thành phố trong năm 2024. Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (được gọi là Chỉ số PII) là công cụ để mỗi địa phương soi chiếu chi tiết góc độ ở khía cạnh đầu ra, đầu vào, xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, yếu tố tiềm năng và điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển KT-XH dựa trên KH-CN-ĐMST.

Dữ liệu phục vụ xây dựng bộ Chỉ số PII 2024 được lấy từ hai nguồn chính. Nguồn thứ nhất từ số liệu thống kê, quản lý nhà nước được công bố chính thức từ các Bộ, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức ở trung ương (có 39/52 Chỉ số) và nguồn thứ hai do các địa phương thu thập và cung cấp - kèm theo các tài liệu minh chứng (có 13/52 Chỉ số).

Năm 2024, tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 1709/KH-UBND ngày 28/10/2024 về việc Cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh An Giang năm 2024, hoạt động đổi mới sáng tạo được triển khai quyết liệt, đồng bộ. Xếp hạng bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023, An Giang đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố; năm 2024, đứng thứ 51/63 tỉnh, thành phố.

Theo kết quả công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ: Năm 2023 tỉnh An Giang có dân số là 1.906.300 người; GRDP 2023 là 99.914,90 tỷ đồng. Năm 2024, điểm số PII của tỉnh An Giang là 29,98 với điểm số đầu vào là 29,42 điểm; điểm số đầu ra là 30,55 điểm, xếp thứ **51/63 tỉnh/thành phố** và xếp thứ **11/13 Vùng Đồng bằng sông Cửu Long**¹.

Tuy nhiên, việc nâng cao Chỉ số PII của tỉnh An Giang còn hạn chế. Nguyên nhân là do một số cơ quan cung cấp trễ hạn và cung cấp chưa đầy đủ tài liệu minh chứng. Bên cạnh đó, đa số nguồn dữ liệu được thu thập từ số liệu của các Bộ, cơ quan trực thuộc Bộ cung cấp nên khó tìm được những nguyên

¹ Điểm số Chi tiết được cập nhật trên link <https://vnexpress.net/khoa-hoc/pii-doi-moi-sang-tao/ho-so-pii/2024/an-giang>

nhân làm cho một số chỉ số bị mất điểm. Đồng thời, hầu hết các số liệu được lấy từ những năm trước (như: Chỉ số 1.2.3. Cải cách hành chính, Chỉ số 1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được lấy kết quả của năm 2023;...) để phục vụ tính toán PII, đã ảnh hưởng đến kết quả của PII năm 2024.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Căn cứ Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 24/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Báo cáo ngày 30/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Kết quả xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, năng động nhằm thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển KT-XH bền vững của tỉnh dựa trên KHCN-ĐMST trong năm 2025 và những năm tiếp theo, từ đó, góp phần nâng cao Chỉ số PII của tỉnh.

Khắc phục những điểm yếu, cải thiện các Chỉ số thành phần hiện có điểm số thấp. Duy trì và phát huy các điểm mạnh, các Chỉ số thành phần có số điểm cao của năm 2024 và tăng dần vị trí xếp hạng Chỉ số PII của tỉnh hàng năm.

2. Yêu cầu

Triển khai một cách đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm đề ra các giải pháp thiết thực thúc đẩy phát triển KT-XH ở địa phương dựa trên KHCN-ĐMST.

Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì làm đầu mối cải thiện điểm số của từng Chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì và cùng chịu trách nhiệm về các Chỉ số thành phần của Chỉ số PII thuộc lĩnh vực phụ trách.

Tăng cường sự phối hợp, nâng cao tính chủ động giữa các sở, ban, ngành trong việc thu thập, cung cấp dữ liệu và hồ sơ minh chứng phục vụ tính toán bộ Chỉ số PII đúng yêu cầu và thời gian quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Ưu tiên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện điểm số các chỉ số thành phần theo mức độ (Ưu tiên 1: Cần tập trung cải thiện; Ưu tiên 2: Cần cải thiện; Ưu tiên 3: Duy trì và nâng cao) như sau:

- Ưu tiên 1: Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số của 14 chỉ số thành phần có điểm số thấp², nguy cơ cao, có điểm số nhỏ hơn 10 đạt trên 10 điểm so với kết quả năm 2024.

- Ưu tiên 2: Cần cải thiện điểm số của 21 chỉ số thành phần³ có điểm số từ 10 đến 30 điểm đạt trên 30 điểm so với kết quả năm 2024.

- Ưu tiên 3: Duy trì và nâng cao điểm số của 17 chỉ số thành phần⁴ có điểm số trên 30 điểm so với kết quả năm 2024.

2. Duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số PII tỉnh An Giang năm 2025, phấn đấu đưa tỉnh An Giang nằm trong nhóm 30⁵ tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương. Phấn đấu điểm số của 07 Chỉ số trụ cột đạt như sau:

STT	Trụ cột	Điểm số năm 2024	Chỉ tiêu năm 2025
1	Thế chế	28,30	> 33,25
2	Vốn con người và NC&PT	25,65	> 37,18
3	Cơ sở hạ tầng	46,41	> 57,34
4	Trình độ phát triển của thị trường	25,95	> 28,91
5	Trình độ phát triển của doanh nghiệp	20,77	> 26,59
6	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	32,66	> 37,22
7	Tác động	28,43	> 31,09
	Điểm số PII	29,98	> 35,94

² Gồm các chỉ số: 1.1.3; 1.2.1; 1.2.3; 4.1.3; 4.1.4; 4.2.2; 5.1.2; 5.1.3; 5.2.3; 5.3.1; 5.3.2; 6.3.1; 7.1.2; 7.1.3.

³ Gồm các chỉ số: 1.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.2.1; 2.2.2; 2.2.3; 2.2.4; 3.1.2; 4.1.1; 4.2.3; 5.1.1; 5.2.2; 5.3.3; 6.1.1; 6.2.2; 6.2.3; 6.2.4; 6.3.3; 7.2.1; 7.2.3; 7.2.4.

⁴ Gồm các chỉ số: 1.1.2; 1.2.2; 1.2.4; 2.1.1; 3.1.1; 3.2.1; 3.2.2; 3.2.3; 4.1.2; 4.2.1; 5.2.1; 6.1.2; 6.2.1; 6.3.2; 7.1.1; 7.1.4; 7.2.2.

⁵ Năm 2024, điểm số PII của tỉnh Bến Tre là 34,26 điểm, xếp hạng 30.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ số PII.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức công chức, viên chức, người lao động, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ số PII là cung cấp bức tranh thực tế, tổng thể về hiện trạng mô hình phát triển KT-XH dựa trên KHCN-ĐMST của địa phương, như: Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 24/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;...

Thông tin kết quả Chỉ số PII hàng năm, cung cấp các căn cứ khoa học và thực tiễn để các các Sở, ban, ngành, địa phương sử dụng trong xây dựng và thực thi các chính sách thúc đẩy phát triển KT-XH ở địa phương dựa trên KHCN-ĐMST.

Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền, phổ biến thông tin liên quan về Bộ Chỉ số PII trên Đài, báo, Trang thông tin điện tử của Sở.

Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng: Tham dự Hội thảo trực tuyến về thu thập Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức; Tổ chức Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ thu thập thông tin Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 cho cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.

2. Tập trung phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu để cải thiện điểm số so với năm 2024

Tiếp tục nghiên cứu đề xuất giải pháp để phát huy những điểm mạnh⁶ và khắc phục những điểm yếu⁷ đã được Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá dựa trên kết quả phân tích Chỉ số đổi PII năm 2024 của tỉnh An Giang.

Tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025. Cụ thể:

a) Thể chế

⁶ (1) Tiêu chí 1.2.2. Tính năng động của chính quyền địa phương: đạt 95,38 điểm; (2) Tiêu chí 3.2.3. Quản trị Môi trường: đạt 77,43 điểm; (3) Tiêu chí 5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KHCN và DN (%): đạt 99,30; (4) Tiêu chí 6.1.2. Đơn đăng kí giống cây trồng/10,000 dân: đạt 70,76 điểm; (5) Tiêu chí 6.2.1. Đơn đăng ký nhãn hiệu/1,000 DN: đạt 55,77 điểm.

⁷ (1) Tiêu chí 1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: đạt 0,00 điểm; (2) Tiêu chí 1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường: đạt 8,52 điểm; (3) Tiêu chí 1.2.3. Cải cách hành chính: đạt 0,00 điểm; (4) Tiêu chí 4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của DN (tỷ đồng): đạt 5,98 điểm; (5) Tiêu chí 7.1.2. Số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/tổng số xã: đạt 0,98 điểm.

Tăng cường công tác nghiên cứu, tham mưu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực: Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, đổi mới công nghệ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, tài sản trí tuệ, thị trường công nghệ, chuyển đổi số, công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số, dịch vụ logistics, phát triển và thu hút nhân lực, văn hóa, du lịch,... phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Triển khai đồng bộ và hiệu quả các giải pháp cải thiện các Chỉ số PAPI, PAR Index, SIPAS, DDCI của tỉnh.

b) Vốn con người và nghiên cứu và phát triển

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nghiên cứu và phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Đổi mới chương trình, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo phẩm chất, năng lực học sinh. Đẩy mạnh bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên các trường THCS và THPT.

Đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quản lý khoa học, công nghệ để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường KHCN-ĐMST.

Phát huy vai trò các tổ chức chính trị xã hội trong hoạt động KHCN-ĐMST, khuyến khích, tạo điều kiện thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào KHCN-ĐMST. Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học, công nghệ với doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp gắn kết với các viện, trường để chuyển giao nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

c) Cơ sở hạ tầng

Tiếp tục triển khai, thực hiện Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông. Triển khai có hiệu quả các giải pháp cải thiện hạ tầng số, quản trị điện tử, bộ Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng công nghệ thông tin và Chỉ số sáng tạo trong mô hình kinh doanh, tổ chức.

Tổ chức triển khai hiệu quả các phương án phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, phương án phát triển hệ thống hạ tầng thương mại tỉnh An Giang. Hỗ trợ địa phương triển khai đầu tư

xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp Hòa An, Mỹ Phú, Tân Trung mở rộng để cho nhà đầu tư triển khai dự án nhà máy chế biến lương thực, thực phẩm; chế biến thủy sản; may mặc. Tiếp tục truyền thông, quảng bá về các cụm công nghiệp đang mời gọi doanh nghiệp đến An Giang đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực xây dựng, quản lý tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Trình độ phát triển của thị trường

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thông tin kịp thời chính sách hỗ trợ của Nhà nước, tạo điều kiện để các tổ chức và doanh nghiệp tiếp cận, thụ hưởng đầy đủ, bình đẳng các chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước.

Triển khai có hiệu quả Chương trình xúc tiến thương mại, du lịch có trọng tâm, trọng điểm. Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động thương mại, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, thanh toán điện tử và các công cụ thanh toán mới, không dùng tiền mặt.

Tập trung phát triển hệ thống logistics tỉnh An Giang. Đồng thời, thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics chuyên ngành vận tải. Khuyến khích thương nhân tham gia hoạt động trong các loại hình kinh doanh dịch vụ logistics;... phát triển hạ tầng thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh.

Tập trung các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng, đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất khẩu. Tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại (cả trực tuyến và trực tiếp) với các đối tác, thị trường nước ngoài để kịp thời thông tin đến các doanh nghiệp xuất khẩu về nhu cầu, điều kiện của các nước; các quy định của pháp luật về cạnh tranh, chống phá giá, về tình hình, diễn biến, của các thị trường trong và ngoài nước.

đ) Trình độ phát triển của doanh nghiệp

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tập trung thực hiện giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp đến với tỉnh An Giang.

Tăng cường tiếp cận, khai thác, ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo trên địa bàn tỉnh phát triển các sản phẩm có tiềm năng và có lợi thế cạnh tranh.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiên bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực của địa phương. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề đảm bảo nguồn lao động có tay nghề, kỹ năng, trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Chủ động liên kết với các doanh nghiệp để thực hiện công tác đào tạo theo đơn đặt hàng nhằm giải quyết việc làm ngay cho người lao động sau khi đào tạo.

e) Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghiên cứu phát triển đổi mới, chuyển giao công nghệ, sử dụng công nghệ hiện đại, tạo ra những sản phẩm chủ lực có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Xây dựng các thương hiệu cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, sản phẩm đặc thù của địa phương. Nghiên cứu thực hiện chương trình bảo hộ tài sản trí tuệ, tập trung các lĩnh vực như: nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý, sáng chế và giải pháp hữu ích, giống cây trồng và quản lý phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù và đặc sản của tỉnh.

Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để phát triển các sản phẩm có tiềm năng thuộc các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh.

g) Tác động

Tham mưu các chính sách thúc đẩy, hỗ trợ kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động ứng dụng KHCN-ĐMST trong lĩnh vực nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển giống cây trồng, vật nuôi, xây dựng thương hiệu nông sản đặc sản, triển khai có hiệu quả Đề án “Mỗi xã một sản phẩm”. Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 29/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện tốt các mục tiêu giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống. Xây dựng triển khai nhân rộng các mô hình giảm nghèo. Đảm bảo trợ cấp kịp thời, tạo cơ hội tốt cho người nghèo tự vươn lên thông qua các chính sách trợ giúp, hỗ trợ về giáo dục, dạy nghề, tín dụng, tạo việc làm, tăng thu nhập và chất lượng cuộc sống, góp phần nâng cao Chỉ số phát triển con người.

Tiếp tục thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về việc làm, hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động, dịch vụ việc làm, theo quy định của pháp luật.

3. Cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng phục vụ tính toán Chỉ số PII năm 2025

Tổ chức thu thập, tổng hợp cung cấp dữ liệu và hồ sơ minh chứng phục vụ tính toán Chỉ số PII đối với các Chỉ số do địa phương phụ trách. Các Sở, ban, ngành có liên quan có nhiệm vụ cung cấp dữ liệu và tài liệu minh chứng về Sở Khoa học và Công nghệ đúng thời gian quy định.

Nhập dữ liệu và hồ sơ minh chứng phục vụ tính toán Chỉ số PII vào phần mềm trực tuyến của Bộ Khoa học và Công nghệ. Báo cáo Kết quả đánh giá Chỉ số PII năm 2025 đúng thời gian quy định.

Thời gian thực hiện thu thập số liệu phục vụ Chỉ số PII theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ (dự kiến vào tháng 7 hoặc tháng 8 năm 2025).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí lồng ghép các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các địa phương trên địa bàn tỉnh

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch triển khai hoặc hình thức triển khai phù hợp các nhiệm vụ được giao và gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) **trước ngày 31/5/2025**.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các chính sách thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp và triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tăng cường thực hiện Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 04/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới. Trong đó, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi

mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, sáng tạo; đồng thời, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển và đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phục vụ nhu cầu thu hút đầu tư và phát triển KT-XH.

Cung cấp thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp phục vụ tính toán Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 đúng nội dung và thời gian quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì theo dõi các Chỉ số thành phần của Bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương tiếp tục nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các Chỉ số và Chỉ số thành phần theo lĩnh vực của đơn vị được phân công. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được giao phụ trách. Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

(Nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thu thập, tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này và báo cáo phân tích đánh giá kết quả Chỉ số PII tỉnh An Giang năm 2025 sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố kết quả; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá công tác cải thiện Chỉ số PII tỉnh An Giang năm 2025 và những năm tiếp theo.

Làm đầu mối tổng hợp rà soát, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu, tài liệu minh chứng do cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu. Triển khai các văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng phục vụ việc tính toán Chỉ số PII.

Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường công nghệ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, phát triển công nghệ cao.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Tham mưu phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hiệu và tham gia đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Nghiên cứu thực hiện các giải pháp nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

Tập trung thực hiện Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 04/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới. Phối hợp với các sở, ban, ngành phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, sáng tạo.

Triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án chuyển đổi số của tỉnh và đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Xây dựng cơ sở dữ liệu đầu tư, doanh nghiệp, ngân hàng... sớm đưa vào vận hành và kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các Chỉ số thành phần liên quan tham mưu nguồn kinh phí chi cho giáo dục và kinh phí chi cho khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách địa phương.

Nghiên cứu tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh các chính sách thúc đẩy phát triển KT-XH, nâng cao nhóm Chỉ số môi trường chính sách và môi trường kinh doanh.

Tập trung rà soát quy hoạch, các điều kiện pháp lý các dự án để kêu gọi đầu tư, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư triển khai các dự án trọng điểm thuộc các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, góp phần đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh cao hơn năm 2024. Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tiếp tục tham mưu thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 của Ủy ban nhân dân về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo.

Hướng dẫn người dân, hộ kinh doanh thực hiện các chính sách về thành lập doanh nghiệp mới, hỗ trợ doanh nghiệp và thu hút đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư tại chỗ.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực khoa học và công nghệ cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông trong tỉnh, tuyên truyền,

khuyến khích nhằm nâng cao tỉ lệ học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần nâng điểm số trung bình của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

5. Sở Công Thương

Triển khai có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại có trọng tâm, trọng điểm; tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh trong các cụm công nghiệp; tập trung phát triển hệ thống logistics tỉnh An Giang; hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi xanh; hỗ trợ khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh trong sản xuất kinh doanh.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu các chính sách thúc đẩy, hỗ trợ kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động KHCN-ĐMST trong hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, phát triển chất lượng các sản phẩm OCOP 4 sao trở lên.

Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao Chỉ số quản trị môi trường tại địa phương. Nhanh chóng đưa ra các giải pháp phòng ngừa, ứng phó phù hợp và kịp thời đối với các vấn đề môi trường gây bức xúc, nhạy cảm và cấp bách. Thực hiện tốt công tác dự báo cảnh báo về nguy cơ ô nhiễm môi trường đến địa phương và người dân. Chủ trì triển khai các giải pháp đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực thành thị và nông thôn.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống; triển khai xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, các mô hình cải thiện sinh kế cho hộ nghèo, cận nghèo.

7. Sở Nội vụ

Tham mưu triển khai các giải pháp nâng Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 664/KH-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025.

Tham mưu, đôn đốc triển khai thực hiện, tổng hợp tình hình thực hiện các nội dung nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh An Giang (Chỉ số PAPI). Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức trách

nhệm, kiến thức về kỹ năng hành chính, kỹ năng nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính

Phối hợp với các Sở, ban, ngành tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; kịp thời triển khai thực hiện các chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực có trình độ cao theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số thành phần về lĩnh vực lao động thuộc Chỉ số PCI của tỉnh.

Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Tăng cường thu hút các nhà đầu tư hạ tầng, xây dựng phát triển các khu công nghiệp; thu hút các nhà đầu tư triển khai dự án nhà máy chế biến lương thực, thực phẩm; chế biến thủy sản; may mặc;...

Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp.

Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao tỉ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp; rà soát, cập nhật diện tích đất công nghiệp vào các quy hoạch các Khu công nghiệp mới trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

9. Chi cục Thống kê tỉnh

Rà soát và cung cấp các số liệu về kinh tế - xã hội khác có liên quan như: GRDP của địa phương, dân số trung bình, số lượng đơn vị hành chính cấp xã,...

10. Ngân hàng Nhà nước khu vực 15 và Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh An Giang

Tham mưu các chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh nhằm nâng cao Chỉ số thành phần về tín dụng cho khu vực tư nhân, vay tài chính vi mô, giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp.

11. Các cơ quan Báo, Đài trong tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số PII tỉnh An Giang trong thời gian tới.

Trên đây là Kế hoạch Cải thiện và nâng cao Bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các địa phương trên địa bàn tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nội dung Kế hoạch nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét cho ý kiến theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh: CT và các PCT (b/c);
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Khu vực 15;
- Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh An Giang;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P. KTĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Mừng

PHỤ LỤC
TRÁCH NHIỆM CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN
NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PII

(Kèm theo Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh)

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phần đầu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
1.	1. Thể chế	63/63	07 Chỉ số		28.3	> 33.25					
1.1.	1.1. Môi trường chính sách				22.97	> 31.25					
			1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH, CN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương ⁸	Địa phương	15.15	> 30.00	- Sở KHCN, - Sở Tài chính, - Sở NNMT, - Sở Công Thương, - Sở Nội vụ - Sở VH-TTDL	Sở Tư pháp, Các Sở, Ban ngành tỉnh	Rà soát các chính sách hiện hành do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có liên quan đến lĩnh vực phụ trách để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp hoặc ban hành mới theo quy định.		Ưu tiên 2
			1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	PCI-VCCI	53.76	> 53.76	Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Tài chính, Các Sở, Ban	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số thành phần thuộc		Ưu tiên 3

⁸ (i) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, (ii) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, (iii) Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, (iv) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; (v) Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ, (vi) Chuyển đổi số, (vii) Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, (viii) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, (ix) Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn, (x) Phát triển dịch vụ logistics, (xi) Phát triển và thu hút nhân lực, (xii) Phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch, (xiii) Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, (xiv) Các văn bản chính sách khác có liên quan.

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
								ngành tỉnh	Chỉ số PCI của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên cơ sở cải thiện các Chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS, DDCI.		
			1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp DNNVV	PCI-VCCI	0.00	> 10.00	Sở Tài chính	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Điểm yếu	Ưu tiên 1
1.2	1.2. Môi trường kinh doanh				33.63	> 37.18					
			1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường	PCI-VCCI	8.52	> 10.00	Sở Tài chính	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp	Điểm yếu	Ưu tiên 1

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
									cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên cơ sở cải thiện các Chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS, DDCI.		
			1.2.2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	PCI-VCCI	95.38	> 95.38	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính, Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI của tỉnh. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh toàn diện trên các lĩnh vực; thực hiện các giải pháp cắt giảm và đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính; chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử tạo động lực nâng cao hiệu quả cải cách hành chính; tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh gắn với nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh An Giang; tập trung thực	Điểm mạnh	Ưu tiên 3

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
									hiện mọi giải pháp để cải thiện xếp hạng Chỉ số môi trường cạnh tranh cấp tỉnh một cách thực chất, hiệu quả nhất. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp đến với tỉnh An Giang.		
			1.2.3. Cải cách hành chính	PAR Index-Bộ Nội vụ	0.00	> 10.00	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng Chỉ số CCHC của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 664/KH-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025.	Điểm yếu	Ưu tiên 1
			1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng	PCI-VCCI	30.61	> 30.61	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính, Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày		Ưu tiên 2

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
									15/8/2023 về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên cơ sở cải thiện các Chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS, DDCL.		
2	2. Vốn con người và nghiên cứu và phát triển	40/63	07 Chỉ số		25.65	> 37.18					
2.1	2.1. Giáo dục				33.86	> 44.36					
			2.1.1. Điểm thi tốt nghiệp THPT trung bình 05 môn học	Bộ GDĐT	73.07	> 73.07	Sở GDĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu giải pháp nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT trong tỉnh		Ưu tiên 3
			2.1.2. Tỷ lệ HSPT tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật/tổng HSPT	Địa phương	10.67	> 30.00	Sở GDĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực KHCN cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh		Ưu tiên 2

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
			2.1.3. Chi cho giáo dục/1 người đi học	Bộ Tài chính và CTK	17.83	> 30.00	Sở Tài chính	Sở GDĐT	Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các Chỉ số thành phần liên quan tham mưu nguồn kinh phí chi cho giáo dục và kinh phí chi cho khoa học và công nghệ từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương		Ưu tiên 2
2.2	2.2. Nghiên cứu và phát triển				17.44	> 30					
			2.2.1. Nhân lực nghiên cứu và phát triển (toàn thời gian)/10,000 dân	Cục TTKH&CNQG	13.78	> 30.00	- Sở Nội vụ, - Sở KH&CN, - Sở GDĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tham mưu triển khai thực hiện kịp thời các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thu hút chuyên gia, nhà khoa học.		Ưu tiên 2
			2.2.2. Chi NSDP cho KH&CN/GRDP	Địa phương, Bộ Tài chính	16.47	> 30.00	Sở Tài chính	Sở KH&CN	Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các Chỉ số thành phần liên quan tham mưu nguồn kinh phí chi cho giáo dục và kinh phí chi cho khoa học và công		Ưu tiên 2

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
									nghệ từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương		
			2.2.3. Chi R&D/GRDP	Cục TTKH&CNQG	10.87	> 30.00	Sở Tài chính,	Sở KHCN	Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các Chỉ số thành phần liên quan tham mưu nguồn kinh phí chi cho giáo dục và kinh phí chi cho khoa học và công nghệ từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương		Ưu tiên 2
			2.2.4. Số tổ chức KHCN	VP ĐK hoạt động KHCN và Địa phương	28.65	> 30.00	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu phát triển các tổ chức KHCN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ		Ưu tiên 2
3	3. Cơ sở hạ tầng	41/63	05 Chỉ số		46.41	> 57.34					
3.1	3.1. Hạ tầng ICT				36.31	> 37.24					
			3.1.1. Hạ tầng số	DTI – Bộ KHCN	44.48	> 44.48	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Triển khai Kế hoạch nâng cao Chỉ số chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2025.		Ưu tiên 3
			3.1.2. Quản trị	PAPI	28.14	> 30.00	Sở KHCN	Sở Nội vụ,	Đẩy mạnh nghiên cứu, đề		Ưu

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
			điện tử					Các Sở, Ban ngành tỉnh	xuất các giải pháp cải thiện Chỉ số quản trị điện tử của tỉnh. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân: Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử, kênh tương tác trực tuyến.		tiên 2
3.2	3.2. Hạ tầng chung và môi trường sinh thái				56.51	> 70.78					
			3.2.1. Hạ tầng chung	VCCI	49.32	> 49.32	Sở Tài chính	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI của tỉnh		Ưu tiên 3
			3.2.2. Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các KCN / tổng diện tích đất CN trong KCN theo quy hoạch	<i>Địa phương</i>	42.79	> 42.79	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh	- Sở Tài chính, - Sở KHCN, - Sở Công thương, - Sở Xây dựng - Các Sở, Ban ngành tỉnh	Nghiên cứu để xuất giải pháp nâng cao Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp. Tăng cường thu hút các nhà đầu tư hạ tầng, xây dựng phát triển các khu công nghiệp; thu hút các nhà đầu tư triển khai dự án nhà máy chế biến		Ưu tiên 3

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
									lượng thực, thực phẩm; chế biến thủy sản; may mặc;...		
			3.2.3. Quản trị môi trường	PAPI	77.43	> 77.43	Sở NNMT	- Sở Nội vụ, - Sở Tài chính, - Các Sở, Ban ngành, địa phương liên quan	Tăng cường thực hiện công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, sự đồng thuận và tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân trong công tác bảo vệ môi trường; thực hiện các giải pháp kiểm soát chất lượng môi trường không khí, nước; xây dựng lộ trình để giải quyết dứt điểm các điểm đen môi trường, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước, không để phát sinh những điểm mới.	Điểm mạnh	Ưu tiên 3
4	4. Trình độ phát triển thị trường	45/63	07 Chỉ số		25.95	> 28.91					
4.1	4.1. Tài chính và đầu tư				32.14	> 34.19					
			4.1.1. Tín dụng cho khu vực tư nhân/ 1,000 lao động	NHNNVN	25.99	> 30.00	- Ngân hàng Nhà nước Khu vực 15; - Ngân hàng CSXH chi	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu các chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh.		Ưu tiên 2

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
							nhánh tỉnh An Giang				
			4.1.2. Vay tài chính vì mô/GRDP	NHCSXH, Địa phương	86.76	> 86.76	- Ngân hàng Nhà nước Khu vực 15; - Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh An Giang	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu các chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh.		Ưu tiên 3
			4.1.3. Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN đang hoạt động có kết quả SXKD	CTK	9.81	> 10.00	- Ngân hàng Nhà nước Khu vực 15 - Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh An Giang	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu các chính sách tín dụng, hỗ trợ các doanh nghiệp ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh.		Ưu tiên 1
			4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN đang hoạt động có kết quả SXKD	CTK	5.98	> 10.00	Sở Tài chính	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu các chính sách hỗ trợ đầu tư tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN đang hoạt động có kết quả SXKD, hỗ trợ các doanh nghiệp ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh	Điểm yếu	Ưu tiên 1
4.2	4.2. Quy mô thị trường				19.76	> 23.63					
			4.2.1. Số DN ngành dịch vụ chuyên môn	CTK	30.88	> 30.88	- Sở Tài chính, - Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh		Ưu tiên 2

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
			KHCN/ tổng DN						ngành trong ngành dịch vụ, doanh nghiệp KHCN, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.		
			4.2.2. Mật độ DN đang hoạt động bình quân trên 1,000 dân	CTK	8.03	> 10.00	Sở Tài chính	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.		Ưu tiên 1
			4.2.3. Đóng góp vào GDP cả nước (%)	Địa phương	20.38	> 30.00	Sở Tài chính	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tập trung các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.		Ưu tiên 2
5	5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp	44/63	09 Chỉ số		20.77	> 26.59					
5.1	5.1. Lao động có kiến thức				13.23	> 16.67					
			5.1.1. Chi phí đào tạo LĐ/ tổng chi của DN	PCI-VCCI	23.82	> 30.00	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số thành phần về lĩnh vực lao động thuộc Chỉ số PCI của tỉnh		Ưu tiên 2
			5.1.2. Tỷ lệ LĐ từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua ĐT	CTK	8.55	> 10.00	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số thành phần về lĩnh vực lao động thuộc Chỉ số PCI của tỉnh		Ưu tiên 1

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
			5.1.3. Tỷ lệ DN có hoạt động R&D	CTK	7.32	> 10.00	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao hoạt động R&D tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tham mưu phát triển các tổ chức KHCN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ		Ưu tiên 1
5.2	5.2. Liên kết sáng tạo				39.17	> 46.43					
			5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KHCN và DN	Địa phương	99.30	> 99.30	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao hoạt động Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KHCN và DN trên địa bàn tỉnh. Tham mưu phát triển các tổ chức KHCN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ	Điểm mạnh	Ưu tiên 3
			5.2.2. Số dự án trong các KCN/ 1,000 DN CBCT	Địa phương	10.96	> 30.00	Ban quản lý Khu kinh tế	- Sở Tài chính, - Sở KHCN,	- Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ tỉ lệ doanh nghiệp đang		Ưu tiên 2

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
								- Sở Công thương, - Sở Xây dựng - Các Sở, Ban ngành tỉnh	hoạt động trong các khu công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. - Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.		
			5.2.3. Số dự án đầu tư trong các cụm CN/1,000 DN chế biến chế tạo	Địa phương	7.24	> 10.00	Sở Công thương	- Sở Tài chính - Sở NNMT; - UBND huyện, thị, thành phố - Các Sở, Ban ngành tỉnh	- Tiễn khai các giải pháp nâng cao tỉ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh - Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp. - Tập trung phát triển hệ thống logistics tỉnh An Giang		Ưu tiên 1
5.3	5.3. Hấp thu tri thức				9.90	> 16.67					
			5.3.1. Đầu tư	CTK	1.23	> 10.00	Sở Tài chính	Các Sở,	Tham mưu triển khai các		Ưu

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
			trực tiếp của nước ngoài/GRDP					Ban ngành tỉnh	giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trực tiếp của nước ngoài trên địa bàn tỉnh.		tiên 1
			5.3.2. Tỷ lệ DN có hoạt động ĐMST/tổng doanh nghiệp	CTK	8.57	> 10.00	Sở KHCN	- Tỉnh đoàn - Sở Tài chính, - Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST trên tổng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tham mưu triển khai hướng dẫn hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo		Ưu tiên 1
			5.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp có ISO/tổng số doanh nghiệp	Ủy ban TCĐLCL	19.91	> 30.00	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng tỷ lệ doanh nghiệp có ISO trên tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.		Ưu tiên 2
6	6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	10/63	09 Chỉ số		32.66	> 37.22					
6.1	6.1. Sáng tạo tri thức				45.12	> 50.38					
			6.1.1. Đơn đăng kí sáng chế, GPHI /10,000	Cục SHTT	19.47	> 30.00	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký, công nhận sáng		Ưu tiên 2

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
			dân						chế và giải pháp hữu ích		
			6.1.2. Đơn đăng kí giống cây trồng/10,000 dân	Cục Trồng trọt	70.76	> 70.76	Sở NNMT	- Sở KHCN; - Các Sở, Ban ngành, địa phương liên quan	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, các tổ chức, cá nhân, thực thi pháp luật về đăng ký giống cây trồng tại địa phương. Tham mưu triển khai các giải pháp nâng tỉ lệ đăng ký giống cây trồng trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ công tác phát triển giống cây trồng và đăng ký giống cây trồng trên địa bàn tỉnh.	Điểm mạnh	Ưu tiên 3
6.2	6.2. Tài sản vô hình				29.62	> 36.44					
			6.2.1. Đơn đăng kí nhãn hiệu/1,000 DN	Cục SHTT	55.77	> 55.77	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Điểm mạnh	Ưu tiên 3
			6.2.2. Đơn đăng kí nhãn hiệu/1,000 DN	Cục SHTT	25.99	> 30.00	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ		Ưu tiên 2
			6.2.3. Đơn đăng kí kiểu dáng	Cục SHTT	26.63	> 30.00	Sở KHCN	Các Sở,	Tuyên truyền, khuyến		Ưu

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
			công nghiệp/10,000 dân					Ban ngành tỉnh	khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ		tiên 2
			6.2.4. Số lượng chỉ dẫn địa lý đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ	Cục SHTT	10.08	> 30.00	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ		Ưu tiên 2
6.3	6.3. Lan tỏa tri thức				23.25	> 24.85					
			6.3.1. Số DN mới thành lập/10,000 dân	CTK	9.88	> 10.00	Sở Tài chính	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, thành lập doanh nghiệp		Ưu tiên 1
			6.3.2. Số DN KHCN và đủ điều kiện là DN KHCN	Địa phương	34.54	> 34.54	Sở KHCN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường KHCN; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp KHCN.		Ưu tiên 3
			6.3.3. Tỷ lệ DN khởi nghiệp sáng tạo	Địa phương	25.32	> 30.00	Sở Tài chính, Sở KHCN	- Tỉnh đoàn; - Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo		Ưu tiên 2
7	7. Tác	57/63	08 Chỉ số		28.43	> 31,09					

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
	động										
7.1	7.1. Tác động đến SX-KD				28.48	> 31.23					
			7.1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp	CTK	41.30	> 41.30	Sở Công thương	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai đẩy mạnh sản xuất công nghiệp. Kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn, nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh nhất là vướng mắc về thủ tục đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp. Rà soát, vận dụng linh hoạt các chính sách đã ban hành, các chủ trương đã chỉ đạo, đồng thời đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách mới nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp. Mời gọi đầu tư các cụm công nghiệp cho các sản phẩm từ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ cho ngành nông nghiệp, như: Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm; công nghiệp cơ khí chế tạo và sửa chữa sản phẩm cơ khí; công nghiệp dệt - giày - may; các		Ưu tiên 3

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
									ngành thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, nghề thủ công,.		
			7.1.2. Số lượng sản phẩm OCOP 4 sao trở lên	Địa phương	0.98	> 10.00	Sở NNMT	- Sở Công thương, - Sở KH-CN, - - Các Sở, Ban ngành, địa phương liên quan	Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm, Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh An Giang phục vụ đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát huy vai trò của địa phương hỗ trợ, khuyến khích các chủ thể OCOP phát triển sản phẩm, thực hiện hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng, công nhận, công nhận lại sản phẩm OCOP 4 sao. Tăng cường các hoạt động quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị, tăng hiệu quả sản xuất – kinh doanh sản phẩm OCOP nói chung, nhất là sản phẩm OCOP 4 sao trở lên.	Điểm yếu	Ưu tiên 1

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
			7.1.3. Giá trị xuất khẩu	CTK	8.02	> 10.00	Sở Công thương	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Nâng cao hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tăng cường các hoạt động xúc tiến xuất khẩu theo hướng chú trọng mở rộng thị trường ở các nước đang phát triển, các thị trường tiềm năng và thị trường mới nổi. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng sản phẩm xuất khẩu đạt thương hiệu quốc gia và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp.		Ưu tiên 1
			7.1.4. Tốc độ tăng năng suất lao động	CTK	63.63	> 63.63	- Sở GDĐT - Sở NNMT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Nghiên cứu tham mưu đề xuất các giải pháp cải thiện tốc độ tăng năng suất lao động. Tập trung đổi mới, nâng chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo nghề nghiệp với giải quyết việc làm cho người lao động. Triển khai thực hiện tốt và kịp thời các chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ dạy nghề theo đơn đặt hàng của người sử dụng lao động, hỗ trợ giải quyết		Ưu tiên 3

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
									việc làm cho người lao động.		
7.2	7.2. Tác động đến KT-XH				28.38	> 30.96					
			7.2.1. Tốc độ giảm nghèo	CTK	23.15	> 30.00	- Sở NNMT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn và xây dựng triển khai nhân rộng các mô hình giảm nghèo.		Ưu tiên 2
			7.2.2. Số việc làm trong nền kinh tế so với tổng dân số	CTK	33.82	> 33.82	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động.		Ưu tiên 3
			7.2.3. Thu nhập bình quân đầu người	CTK	28.04	> 30.00	- Sở Tài chính, - Chi Cục Thống kê	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tiếp tục tập trung các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội nhằm cải thiện Chỉ số thu nhập bình quân đầu người của địa phương.		Ưu tiên 2

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2024 của An Giang	Điểm của các Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2024 An Giang	Mục tiêu phấn đấu năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần	Điểm mạnh/Điểm yếu	Ghi chú
			7.2.4. Chỉ số phát triển con người	CTK	28.51	> 30.00	- Sở GDĐT - Sở Y tế, - Sở VH-TDL	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tập trung thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển văn hóa - xã hội như: Giáo dục và đào tạo; y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; an sinh xã hội; Văn hóa, thể dục, thể thao,...Đồng thời triển khai thực hiện tốt các chính sách phát triển và thu hút nhân lực cho địa phương.		Ưu tiên 2
	Tổng		52 Chỉ số thành phần								